

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế và giao dự toán kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Xây dựng Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống tại xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Quyết định số 921/Q -BQP ngày 28/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách quốc phòng 5 năm 2021-2025 (công trình trường bắn, thao trường huấn luyện);

Căn cứ Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 15 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3, năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 1604/TB-QK ngày 28/6/2022 của Quân khu 4 về kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách quốc phòng 5 năm 2021-2025 (công trình trường bắn, thao trường huấn luyện);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 218/TTr-SNN&PTNT ngày 21/9/2023; của Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống tại Văn bản số 543/BCH-TM ngày 09/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Xây dựng Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống với những nội dung chính sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sang mục đích khác: 5,621 ha.
2. Địa điểm: Xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống.
3. Loại rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác:
 - Theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất.
 - Theo nguồn gốc hình thành rừng: Rừng trồng.
4. Chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế: Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống.
5. Đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế: 101,914 triệu đồng/ha.
6. Tổng số tiền phải nộp (làm tròn): 572.859.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*).
7. Thời gian thực hiện nộp tiền: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Giao giá trị dự toán kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế do Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Xây dựng Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống, cụ thể:

1. Chủ đầu tư: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.
2. Địa điểm trồng rừng thay thế: Rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông thuộc địa giới hành chính xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa.
3. Quy mô diện tích trồng rừng thay thế: Đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.
4. Giải pháp thiết kế kỹ thuật: Theo quy định của pháp luật hiện hành và nội dung phê duyệt của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 402/QĐ-SNN&PTNT ngày 20/9/2023 (được UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020).

5. Giao tổng giá trị dự toán kinh phí cho chủ đầu tư (Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông) để thực hiện trồng rừng thay thế: 572.859.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

6. Tiến độ giải ngân: *Chi tiết theo Phụ biểu đính kèm.*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Công có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa để ủy thác trồng rừng thay thế theo nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và quy định tại Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về tính chính xác, sự phù hợp với quy định của pháp luật của nội dung thẩm định, phê duyệt về thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí và đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế (chủng loại, mật độ cây trồng, đơn giá cây giống, đơn giá nhân công, đơn giá phân bón...), đảm bảo không làm thất thoát ngân sách Nhà nước; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Công nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa; theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu trồng rừng thay thế theo đúng quy định; phát hiện kịp thời, tham mưu ngay cho UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý và có biện pháp khắc phục những tồn tại, vướng mắc, vi phạm (nếu có) liên quan đến việc nộp tiền trồng rừng thay thế, tổ chức trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận, quản lý, tổ chức giải ngân, kiểm soát thanh toán các khoản chi trồng rừng thay thế theo phê duyệt của UBND tỉnh và quy định tại Mục 5 Chương II về quản lý thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông tổ chức trồng rừng thay thế theo phương án trồng rừng thay thế, dự toán, thiết kế kỹ thuật trồng rừng thay thế được cấp thẩm quyền phê duyệt cho đến khi được nghiệm thu hoàn thành, tổ chức quản lý, sử dụng rừng trồng thay thế và thanh toán, quyết toán kinh phí đầu tư trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế

và chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với diện tích rừng trồng thay thế trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4, QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC73.09.23)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU

Giao dự toán kinh phí trồng rừng thay thế do Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Xây dựng Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nông Cống tại xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Thời gian	Tổng cộng theo năm	CHỦ ĐẦU TƯ							QUẢN LÝ DỰ ÁN CẤP TỈNH		
			Tổng	Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Thu nhập chịu thuế tính trước	Chi phí tư vấn (khảo sát thiết kế)	Chi phí khác (thảm định)	Quản lý dự án	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh	Chi cục Kiểm lâm
1	Năm thứ nhất	361.975	354.331	315.239	24.579		10.669	1.296	2.548	2.548	2.548	2.548
2	Năm thứ 2	95.820	93.726	93.028					698	698	698	698
3	Năm thứ 3	53.736	52.563	52.172					391	391	391	391
4	Năm thứ 4	61.328	59.987	31.151		28.389			447	447	447	447
	Tổng cộng	572.859	560.607	491.590	24.579	28.389	10.669	1.296	4.084	4.084	4.084	4.084